

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 6 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Tấn;
2. Ông Bùi Văn Ôn

**- Thư ký ghi phiên tòa:** Ông Bùi Văn Hường - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: phố Mường Cháy, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Anh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: phố Mường Cháy, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Bùi Anh T kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Vũ (nay là thị trấn Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2014 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, không còn quan tâm đến nhau khiến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2015. Cho đến thời điểm này chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Minh Hải, sinh ngày 10/7/2010. Kể từ khi ly thân, cháu Hải đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hải và chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

Về phía anh Bùi Anh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

***\* Tại biên bản xác minh ngày ngày 21/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị T và anh Bùi Anh T có nội dung:***

Anh Bùi Anh T và chị Bùi Thị T kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Liên Vũ( nay là thị trấn Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2014 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, và một phần do bản thân anh T là người nghiện ma túy khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh T chị T đã ly thân từ năm 2014-2015 nên khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị T có 01 con chung là Bùi Minh Hải, sinh ngày 10/7/2011. Kể từ khi ly thân, chị T và cháu Hải sinh sống tại nhà ngoại ở xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn.

Về tư cách đạo đức và điều kiện nuôi con của anh T và chị T:

- Bản thân anh T là đối tượng nghiện ma túy, đang chịu sự quản thúc, theo dõi của UBND và Công an thị trấn Vụ Bản. Tuy anh T có chỗ ở ổn định nhưng không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không đủ điều kiện để nuôi con.

- Chị T là cán bộ công tác tại Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn, có tư cách, đạo đức tốt, thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

***\*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

### **Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Minh Hải cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T chưa đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

*[1] Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Bùi Anh T có hộ khẩu thường trú tại phố Mường Cháy, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị T và anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Bùi Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh T và chị T có 01 con chung là cháu Bùi Minh Hải. Vợ chồng ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Bùi Minh Hải trình bày nguyện vọng muốn ở với chị T khi bố mẹ ly hôn

Theo quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Trên cơ sở nguyên tắc này có thể hiểu người cha và người mẹ bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân và ngay cả khi quan hệ hôn nhân chấm dứt. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị T và anh T: Kể từ khi ly thân đến nay anh T để con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có chỗ ở ổn định, hiện đang công tác tại Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn, đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho con chung có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] *Vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Do chị T chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh T chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được xử lý bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**1. Về hôn nhân**: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Anh T.

**2. Về con chung, cấp dưỡng:** Giao con chung là cháu Bùi Minh Hải, sinh ngày 10/07/2010 cho chị Bùi Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

**5. Về án phí:** Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005495 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND TT Vụ Bản;;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**